

DANH MỤC ĐỀ TÀI NCKH SINH VIÊN NĂM HỌC 2025 - 2026
Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ/ĐHNH ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng TP. HCM

STT	Đơn vị quản lý sinh viên	Tên đề tài	Họ và tên sinh viên (Ghi rõ Trưởng nhóm)	Lớp	MSSV
1	Khoa Ngoại ngữ	Exploring English-Major Students' Perceptions of Learning Strategies in Extensive Reading at Ho Chi Minh University of Banking (HUB)	Lê Thanh Thảo (Trưởng nhóm)	HQ12 - BBE02	150401240036
			Đào Gia Minh	HQ12 - BBE02	150401240021
			Phan Ngọc Gia Hân	HQ12 - BBE02	150401240060
			Trần Vũ Quỳnh Trâm	HQ12 - BBE02	150401240040
2	Khoa Ngoại ngữ	English-Majors' Perceptions of ChatGPT's Usefulness and Ethical Challenges in Academic Writing	Lương Tâm Như (Trưởng nhóm)	HQ12-BBE02	150401240066
			Trần Phạm Anh Thư	HQ12-BBE02	150401240077
			Trần Nguyễn Ý Nhi	HQ12-BBE02	150401240028
			Võ Ngọc Thanh Thảo	HQ12-BBE02	150401240073
			Nguyễn Thị Tường Vy	HQ12-BBE02	150401240081
3	Khoa Ngoại ngữ	Students' Anxiety in English Oral Presentation and Coping Strategies	Lê Phương Nghi (Trưởng nhóm)	HQ12-BBE01	150401240064
			Nguyễn Ngọc Khánh Linh	HQ12-BBE01	150401240017
			Trịnh Ngọc Ý Bình	HQ12-BBE01	150401240055
			Đoàn Vương Như Ý	HQ12-BBE01	150401240046
4	Khoa Ngoại ngữ	Using Systemic Functional Linguistics SFL to analyze obligation and permission modal verbs in TOEIC Business Correspondence texts	Nguyễn Ngọc Lan Phương (Trưởng nhóm)	DH39AM03	030439230201
			Lâm Bảo Trí Vỹ	DH39AM03	030439230307
			Chu Thị Hương Giang	DH39AM02	030439230060
			Đỗ Phạm Quốc Bảo	DH39AM03	030439230026
5	Khoa Ngoại Ngữ	Iconisation and Economic Text Representation in IELTS Readings: Implications for Vietnamese students	Nguyễn Tường Thiên Lạc (Trưởng nhóm)	DH39AM02	030439230114
			Mã Văn Quý	DH37AV04	030437210176
6	Khoa Ngoại Ngữ	Exploring English-Major Students' Perceptions of Cooperative Learning for Enhancing EFL Speaking Proficiency at Ho Chi Minh University of Banking (HUB)	Đoàn Trần Huyền (Trưởng nhóm)	HQ12-BEE02	150401240012
			Phạm Tiến Đức	HQ12-BEE02	150401240007
			Nguyễn Ngọc Giang	HQ12-BEE02	150401240008
			Phạm Lê Minh	HQ12-BEE02	150401240022
7	Khoa Quản trị Kinh doanh	Ảnh hưởng của sinh trắc học đến ý định tiếp tục sử dụng ngân hàng số của giới trẻ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh - Vai trò trung gian của niềm tin	Nguyễn Thị Loan Trinh (Trưởng nhóm)	HQ10-GE19	050610220669
			Trương Kim Liên	HQ10-GE15	050610221024
			Nguyễn Ngọc Khánh Phương	HQ10-GE16	050610221254
			Lê Việt Tiến	HQ10-GE16	050610221415
8	Khoa Quản trị Kinh doanh	Ảnh hưởng của nội dung quảng cáo do trí tuệ nhân tạo tạo ra đến ý định mua hàng của người tiêu dùng Gen Z tại TP.HCM: vai trò trung gian của niềm tin và nhận thức tính hữu ích.	Lê Ngọc Bảo Châu (Trưởng nhóm)	HQ12-MAG02	050312240022
			Võ Bảo Minh Thư	DH40KS01	030840240119
			Trần Bảo Trân	HQ12-MAG01	050312240196
			Huỳnh Anh Vĩnh Hào	HQ12-MAG01	050312240045
			Lê Nguyễn Bảo Anh	HQ12-MAG01	050312240008
9	Khoa Quản trị Kinh doanh	Ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) đến lòng trung thành của Gen Z đối với các thương hiệu thời trang tại TP.HCM	Phạm Xuân Huyền (Trưởng nhóm)	HQ10-GE17	050610220960
			Phạm Thị Yến Như	HQ10-GE17	050610221221
			Đào Thị Kim Ngân	HQ10-GE17	050610221108
			Phan Thị Thanh Thảo	HQ10GE18	050610221325
			Huỳnh Thảo Nguyên	HQ10-GE19	050610220376

10	Khoa Quản trị Kinh doanh	Các yếu tố trí tuệ nhân tạo tác động đến hành vi mua sắm ngẫu hứng ngành thời trang của người tiêu dùng Gen Z tại thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Lê Bảo Ngọc (Trưởng nhóm)	HQ11-MAG07	050611230794
			Lê Thị Kim Ngân	HQ11-MAG05	050611230721
			Nguyễn Mai Thanh Ngọc	HQ11-MAG05	050611230797
			Tăng Nguyễn Hạ Nguyên	DH39DD02	1.20605E+11
			Nguyễn Thị Thúy Vy	DH39MK01	030339230214
11	Khoa Quản trị Kinh doanh	Tác động của cá nhân hóa quảng cáo bằng trí tuệ nhân tạo (AI) đến ý định mua hàng thời trang của gen Z tại TP.HCM	Đỗ Thị Minh Trang (Trưởng nhóm)	DH40QT04	030340240181
			Phan Thị Lan	DH40QT04	030340240073
			Lương Thị Thúy Ngân	DH40QT04	030340240106
12	Khoa Tài chính	Tác động của tín dụng xanh đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại tại các quốc gia ASEAN	Ngô Quốc Bảo (Trưởng nhóm)	HQ11-BAF01	050611230112
			Đinh Mai Thảo	HQ11-BAF01	050611231138
			Trần Phan Thiên Ân	HQ11-BAF02	050611230026
			Lương Phúc Nguyên	HQ11-BAF02	050611230825
			Võ Trương Ngọc An	HQ11-BAF04	050611230021
13	Khoa Tài chính	Phân tích khả năng vỡ nợ dựa trên việc sử dụng dịch vụ mua trước trả sau và chỉ số nợ trên thu nhập của Thế hệ Z tại Thành phố Hồ Chí Minh.	Huỳnh Kim Ngọc (Trưởng nhóm)	HQ11-BAF07	050611230782
			Nguyễn Triệu Vi	HQ11-BAF16	050611231542
			Trương Tấn Sang	HQ11-BAF07	050511231086
			Nguyễn Thị Sang	DH39-KH02	030239230208
14	Khoa Tài chính	Tác động của chính sách tiền tệ đối với tính bền vững: Phân tích lãi suất và lượng khí thải carbon của các doanh nghiệp ở khu vực Đồng Nam Á.	Nguyễn Tường Long (Trưởng nhóm)	HQ11-BAF05	050611230609
			Nguyễn Phương Linh	HQ11-BAF05	050611230576
			Nguyễn Huỳnh Ánh Minh	HQ11-BAF09	050611230654
			Nguyễn Thị Hoàng Lan	HQ11-MAG01	050611230536
			Nguyễn Hải Vân	HQ11-MAG01	050611231527
15	Khoa Tài chính	The impact of foreign aid on FDI inflows in developing Asian countries: Policy implications for Vietnam	Nguyễn Thị Yến Vi (Trưởng nhóm)	HQ12 - BAF03	050112240296
			Nguyễn Thị Thanh Thảo	HQ12 - BAF03	050112240229
			Nguyễn Thị Thảo Vy	HQ12 - BAF03	050112240308
			Nguyễn Ngọc Anh Thư	HQ12 - BAF03	050112240241
16	Khoa Tài chính	The influence of digitalization on CO2 emissions in developing countries: Policy insights for Vietnam.	Trần Hải Yến (Trưởng nhóm)	HQ12 - BAF03	050112241179
			Đỗ Lê Hoàng	HQ12 - BAF08	050112240551
			Mã Thị Minh Ngọc	HQ12 - BAF02	050112240754
			Nguyễn Khả Quỳnh	HQ12 - BAF02	050112240894
			Nguyễn Huỳnh Gia Hân	HQ12 - BAF021	050112240517
17	Khoa Tài chính	Nhiều trong phán đoán định giá cổ phiếu: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam	Trần Bảo Minh (Trưởng nhóm)	DH39QD01	030139230213
			Nguyễn Kim Min	DH39QD01	030139230207
			Lương Quang Vinh	DH39QD01	030139230462
			Mai Quang Mạnh	DH39CT02	030139230205
			Võ Ngọc Diệp	DH39QD01	030139230055
18	Khoa Tài chính	Tác động của tiền điện tử đến ổn định tài chính	Lương Quốc Tuấn (Trưởng nhóm)	HQ11- BAF02	050611231468
			Nguyễn Lâm Vương Nam	HQ11- BAF03	050611230701
			Phạm Đoàn Yến Nhi	HQ11- MAG01	050611230890
			Nguyễn Thị Huỳnh Như	HQ11- MAG01	050611230936
			Nguyễn Thị Hằng Ny	HQ11- MAG01	050611230962
19	Khoa Tài chính	Yếu tố tác động đến nợ công các quốc gia Đông Nam Á	Võ Thị Hồng Nhung (Trưởng nhóm)	HQ11-BAF09	050611230960
			Nguyễn Thị Kim Ngân	HQ11-BAF18	050611230737
			Phan Bùi Tuấn Khanh	HQ11-BAF18	050611230485
			Trương Văn Công	HQ11-BAF18	050611230166
20	Khoa Tài chính	Ảnh hưởng của sự phát triển Công nghệ tài chính đến sự ổn định tài chính các Ngân hàng thương mại tại Việt Nam	Nguyễn Mạnh Phát (Trưởng nhóm)	HQ11-BAF01	050611230975
			Nguyễn Vũ Nhật Quang	HQ11-BAF05	050611231034
			Nguyễn Nhật Hoa	HQ11-ACC03	050611230369
			Trần Thị Thu Hiền	HQ11-ACC05	050611230362
			Trần Thị Dịu Hiền	HQ11-MAG05	050611230361

21	Khoa Tài chính	Ảnh hưởng của bất định chính sách kinh tế đến cấu trúc vốn doanh nghiệp tại Việt Nam	Nguyễn Thị Minh Khuê (Trưởng nhóm)	HQ11-BAF01	050611230514
			Đoàn Mai Linh	HQ11-BAF01	050611230552
			Trần Ngọc Khánh	HQ11-BAF03	050611230497
			Võ Thị Diễm Hương	HQ11-BAF01	050611230419
			Trần Tuấn Giang	HQ11-BAF04	050611230263
22	Khoa Tài chính	Tác động của hiệu ứng tuyến J lên cán cân thương mại: Bằng chứng thực nghiệm ở các nước Đông Nam Á.	Nguyễn Thanh Hà (Trưởng nhóm)	HQ12-BAF02	050112240498
			Phạm Nhật Minh Huy	HQ12-BAF02	050112240077
			Trương Thanh Mai	HQ12-BAF02	050112240690
			Nguyễn Nhật Minh Anh	HQ12-BAF02	050112240394
			Cao Thảo Quỳnh	HQ12-BAF02	050112240884
23	Khoa Tài chính	Vai trò của chất lượng thể chế và vốn con người trong tác động của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài lên tăng trưởng kinh tế: Bằng chứng thực nghiệm từ các nước ASEAN	Nguyễn Gia Bảo Ngọc (Trưởng nhóm)	HQ12-BAF02	050112240756
			Lương Tô Thái	HQ12-BAF07	050112240918
			Trần Minh Thư	HQ12-BAF03	050112240242
			Nguyễn Ngọc Phương Uyên	HQ12-BAF02	050112240289
			Bùi Trần Huyền Trang	HQ12-BAF02	050112240258
24	Khoa Tài chính	So sánh hiệu suất giữa các quỹ ETF và danh mục cổ phiếu tối ưu hóa bằng thuật toán Markowitz trên thị trường Việt Nam	Trần Ngọc Minh Thư (Trưởng nhóm)	HQ10 - GE29	050610220602
			Nguyễn Huệ Trần	HQ11 - BAF14	050611231350
			Nguyễn Thúc Phúc	Sau đại học	020202250021
			Võ Thị Xuân Thoa (Trưởng nhóm)	HQ11-BAF07	050611231185
			Nguyễn Ngọc Hải Vân	HQ11-BAF12	050611231528
25	Khoa Tài chính	The impact of ESG disclosure on financial performance: Evidence from Vietnamese commercial banks	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	HQ11-ACC03	050611230934
			Nguyễn Ngọc Diễm	HQ11-ACC04	050611230192
			Phạm Thị Minh Thư (Trưởng nhóm)	DH40TC02	030140240235
26	Khoa Tài chính	Hồi quy Logistic GAM: Ứng dụng trong dự báo rủi ro tín dụng	Trần Minh Thiện	DH40TC01	030140240224
			Nguyễn Phương Uyên	DH40TC01	030140240286
			Lê Đăng Phương Giao (Trưởng nhóm)	DH39TC02	030139230074
27	Khoa Tài chính	Nghiên cứu tác động của ESG đến hiệu quả Tài chính của các công ty Ngành năng lượng tại Việt Nam	Đoàn Thảo Linh	DH39TC02	030139230174
			Hồ Ngọc Chí Linh	DH39TC02	030139230176
			Nguyễn Thị Yến Nhi	DH39TC01	030139230269
			Nguyễn Lê Minh Thư	DH39TC02	030139230377
			Võ Lê Hào (Trưởng nhóm)	HQ11-BAF10	050611230348
28	Khoa Tài chính	Ảnh hưởng của minh bạch thông tin CSR đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp ngành nguyên vật liệu niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Bùi Thị Thanh Hiền	HQ11-BAF18	050611230354
			Nguyễn Thị Ngọc	HQ11-BAF10	050611230801
			Vũ Đức Thành	HQ11-MAG06	050611231137
			Nguyễn Biên Cương	HQ11-BAF10	050611230167
			Nguyễn Huỳnh Gia Huy (Trưởng nhóm)	HQ11-BAF07	050611230429
29	Khoa Tài chính	Tác động của tín dụng xanh đối với hiệu quả tài chính của ngân hàng thương mại tại Việt Nam giai đoạn 2013-2023	Trần Như Mỹ Chuyên	HQ11-BAF04	050611230164
			Võ Thị Hoàng Hào	DH39TC03	030139230102
			Đỗ Thị Lan	DH39TC03	030139230169
			Võ Trần Thanh Trúc	DH39TC01	030139230437
			Hồ Hồng Hân (Trưởng nhóm)	HQ12-BAF04	050112240511
30	Khoa Tài chính	Các nhân tố của Fintech tác động đến ý định gửi tiết kiệm của người khuyết tật vận động tại VCB Digibank TP. HCM	Phạm Ngọc Hân	HQ12-BAF04	050112240524
			Lê Thái Ngọc Hân	HQ12-BAF04	050112240064
			Châu Ngọc Hân	HQ12-BAF04	050112240060
			Nguyễn Ngọc Linh San (Trưởng nhóm)	HQ11-BAF08	050611231084
31	Khoa Tài chính	Tác động của bất định kinh tế đến cấu trúc vốn của doanh nghiệp ngành thép niêm yết tại Việt Nam	Nguyễn Lê Khanh	HQ11-BAF04	050611230482
			Nguyễn Phương Anh	HQ11-BAF03	050611230066
			Lê Quang Khải	HQ11-BAF01	050611230469
			Cao Thái Sơn (Trưởng nhóm)	HQ11-BAF11	050611231089
			Nguyễn Ngọc Quỳnh	HQ11-BAF06	050611231047
32	Khoa Tài chính	Ứng dụng học máy trong dự báo xác suất vỡ nợ của khách hàng Doanh Nghiệp	Nguyễn Anh Thư	HQ11-BAF11	050611231210
			Nguyễn Thị Tú Trần	HQ11-BAF11	050611231361
			Huỳnh Tân Phát	HQ11-BAF15	050611230969
			Nguyễn Dương Lập (Trưởng nhóm)	HQ10-GE28	050610220261
			Nguyễn Ngọc Gia Hân	HQ10-GE29	050610220924
33	Khoa Tài chính	Phân tích tác động lan tỏa của Bitcoin tới thị trường Chứng Khoán Việt Nam: Bằng chứng từ mô hình Dcc-Garc	Đỗ Thị Ngọc Hân	HQ10-GE30	050610220915
			Trần Thị Phúc	HQ10-GE30	050610221240
			Lê Nguyễn Uyên Quyền (Trưởng nhóm)	HQ11-BAF10	50611231044
34	Khoa Tài chính	So sánh mô hình ETICA và Fama-French trong việc phân tích và dự báo thị trường chứng khoán tại Việt Nam: Bằng chứng thực nghiệm từ VN30-Index	Huỳnh Minh Sĩ	HQ11-BAF10	50611231088

35	Khoa Ngân hàng	Tác động của ESG kỹ thuật số (DESG) đến lòng trung thành thương hiệu trong ngành ngân hàng: Vai trò trung gian của niềm tin và sự hài lòng của khách hàng	Nguyễn Ngọc Thuý An	HQ11-BAF14	050611230011
			Bùi Hà Kiều Anh	HQ11-BAF16	050611230028
			Trương Triệu Mân	DH39CT01	030139230204
			Võ Thị Yên Nhi	DH39MK01	030339230117
			Nguyễn Thị Mỹ Duyên	DH39LQ02	030339230032
36	Khoa Ngân hàng	Tác động của công nghệ AI đến khả năng tự kiểm soát chi tiêu của Gen Z	Huỳnh Thị Hồng Loan	HQ11-BAF11	050611230599
			Trần Tú Linh	HQ11-BAF12	050611230594
			Trần Ngọc Khánh Luy	HQ11-BAF13	050611230614
			Võ Thị Thuý Linh	HQ11-BAF06	050611230596
			Lê Hoàng Yến Nhi	HQ11-BAF10	050611230869
37	Khoa Ngân hàng	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự chia sẻ dữ liệu của khách hàng cá nhân đối với ngân hàng thương mại trong bối cảnh ứng dụng AI và Big Data	Nguyễn Hà Nhi	HQ11-BAF18	050611230878
			Nguyễn Thị Ái Vi	HQ11-BAF15	050611231541
			Nguyễn Thị Trung Giang	DH39-KT01	030539230023
			Võ Trần Khánh Linh	HQ11-BAF05	050611230597
			Trịnh Thanh Tuyền	DH40-TC01	030140240494
38	Khoa Ngân hàng	Ảnh hưởng của Kols trên nền tảng tiktok đến hành vi sử dụng ví điện tử của sinh viên năm 2 khoa tài chính Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM	Nguyễn Lan Phương	HQ12-BAF20	050112240867
			Huỳnh Thị Thuý Tiên	HQ12-BAF20	050112241011
			Nguyễn Thị Minh Hiếu	HQ12-BAF20	050112240543
			Phù Kiều Diễm	HQ12-BAF20	050112240029
			Tạ Ngọc Linh	HQ12-BAF20	050112240115
39	Khoa Ngân hàng	Các yếu tố tác động đến ý định sử dụng ngân hàng số có ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)	Võ Thái Thanh Thảo	HQ12-BAF20	050112240944
			Thái Thị Cao Nguyên	HQ12-BAF20	050112240776
			Nguyễn Hà Phương	HQ12-BAF20	050112240865
			Nguyễn Ngọc Trâm	HQ12-BAF20	050112241051
			Nguyễn Thị Phương Linh	HQ10-GE06	050610220273
40	Khoa Ngân hàng	Tác động của đa dạng hoá danh mục cho vay đến sự ổn định tài chính của ngân hàng thương mại việt nam: tiếp cận bằng mô hình học máy	Trần Hoàng Thanh Trúc	HQ10-GE10	050610221484
			Nguyễn Hoàng Anh Thư	HQ10-GE10	050610220590
			Phạm Việt Y	HQ10-GE30	050610221573
			Ngô Hoàng Khánh Duy	HQ10-GE08	050610220869
			Lê Tấn Phát	HQ10-GE06	050610220447
42	Khoa Ngân Hàng	Ứng dụng điện toán đám mây trong dịch vụ thanh toán tại ngân hàng vietinbank ở Việt Nam	Trần Nguyễn Hạnh Vi	HQ13-BAF09	050113251227
			Võ Phạm Hoàng Lan	HQ13-BAF10	050113250463
43	Khoa Ngân Hàng	Tác động của ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông đến lợi nhuận của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Lê Tấn Phát	HQ10-GE06	050610220447
			Huỳnh Vũ Đăng Khoa	HQ10-GE09	050610220240
			Đỗ Nguyễn Minh Thư	DH39NH01	030139230372
			Nguyễn Thị Thắm	HQ11-BAF20	050611231114
			Nguyễn Hoàng Biển	IBP22D01-01	1.10321E+11
44	Khoa Ngân Hàng	Vai trò của chất lượng dịch vụ trong việc sử dụng công nghệ tài chính: một tích hợp giữa Servqual và Tam	Võ Thị Tú Trinh	HQ11-BAF15	050611231434
			Nguyễn Thị Loan Anh	HQ11-BAF06	050611230099
			Nguyễn An Thuận	HQ11-BAF12	050611231251
			Chu Thị Thúy An	HQ11-BAF15	050611230003
			Cao Thị Thu Hương	HQ11-BAF10	050611230400
45	Khoa Hệ thống thông tin quản lý	Phát triển chatbot tư vấn học vụ cho sinh viên dựa trên mô hình ngôn ngữ lớn và kỹ thuật truy xuất tri thức	Nguyễn Thị Hồng Kim (Trưởng nhóm)	DH39TM01	030239230097
			Nguyễn Thị Huyền	DH39TM02	030239230078
			Linh Thị Huyền	DH39KH01	030239230082
			Hoàng Nhật Lê	DH39KH01	030239230102
			Nguyễn Thị Thu Hòa (Trưởng nhóm)	DH39LK01	030739230050
46	Khoa Luật Kinh tế	Pháp luật về bảo vệ dữ liệu sinh trắc học của khách hàng trong hoạt động xác thực giao dịch ngân hàng tại Việt Nam	Phạm Thị Tĩnh	DH39LK01	030739230189
			Phan Nguyễn Quỳnh Như	DH39LK01	030739230124
			Võ Quỳnh Bảo Trâm	DH39LK01	030739230192
			Nguyễn Hữu Nhã	DH39LK02	030739230114

47	Khoa Luật Kinh tế	Quy định về di sản không người thừa kế trong Tư pháp quốc tế: So sánh pháp luật Việt Nam, Pháp và Hoa Kỳ	Lê Diễm Quỳnh (Trưởng nhóm)	DH39LK02	030739230149
			Lê Thị Luyến	DH39LK02	030739230087
			Võ Thủy Trinh	DH39LK02	030739230207
			Nguyễn Thanh Huy	DH39LK04	030739230058
48	Khoa Luật Kinh tế	Trách nhiệm pháp lý đối với thiệt hại do Hợp đồng thông minh ứng dụng AI gây ra: Kinh nghiệm của EU, Hoa Kỳ và bài học cho Việt Nam	Đỗ Bạch Thành Vân (Trưởng nhóm)	DH41LK06	030741250244
			Trần Phú Khang	DH41LK04	030741250305
			Nguyễn Thị Xuân Mai	DH41LK06	030741250272
			Nguyễn Minh Hiếu	DH41LQ02	031241250025
			Nguyễn Minh Tiến	DH41LK06	030741250286
49	Khoa Luật Kinh tế	Phân định trách nhiệm pháp lý giữa Hội đồng quản trị và Người điều hành trong quản trị công ty cổ phần: Thực trạng pháp luật và Kiến nghị hoàn thiện	Nguyễn Anh Hào	DH39LK02	030739230041
50	Khoa Luật Kinh tế	Pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trên nền tảng số: Kinh nghiệm từ các quốc gia châu Âu và định hướng phát triển pháp luật tại Việt Nam	Nguyễn Thanh Kiều (Trưởng nhóm)	DH40LK01	030740240077
			Đào Xuân Mai	DH40LK01	030740240097
			Lê Thị Cẩm Ly	DH40LK05	030740240094
			Hoàng Thị Huyền	DH40LK04	030740240065
51	Khoa Luật Kinh tế	Pháp luật về trách nhiệm xã hội (CSR) của doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững tại Việt Nam	Lê Hoàng Tú	DH40LK01	030740240200
			Lê Văn Anh Tuấn (Trưởng nhóm)	DH39LK04	030739230213
			Nguyễn Anh Hào	DH39LK02	030739230041
			Nguyễn Thị Lan Hương (Trưởng nhóm)	DH40LK02	030740240071
52	Khoa Luật Kinh tế	Bảo vệ dữ liệu cá nhân của sinh viên trước hoạt động 'Hồ sơ hóa' (Profiling) và ra quyết định tự động của trí tuệ nhân tạo: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam	Phạm Nguyễn Ngọc Huyền	DH40LK01	030740240067
			Lê Minh Phương	DH40LK03	030740240140
			Lê Ngọc Thiện (Trưởng nhóm)	DH40LK03	030740240164
			Võ Hạnh Duyên	DH40LK03	030740240036
53	Khoa Luật Kinh tế	Thu thập, bảo quản và đánh giá chứng cứ điện tử trong điều tra các vụ án tội phạm công nghệ cao	Nguyễn Đỗ Văn Đoàn	DH40LK03	030740240040
			Nguyễn Xuân Tiến	DH40LK03	030740240180
			Trịnh Quỳnh Anh	DH40LK04	030740240012
			Mai Ý Vĩ Xuân (Trưởng nhóm)	DH40LK03	030740240216
54	Khoa Luật Kinh Tế	Bảo đảm quyền của người khuyết tật trong pháp luật Việt Nam - Thực trạng và giải pháp	Võ Hoài Thiện An	DH40LK03	030740240018
			Phan Nguyễn Bảo Ngọc	DH40LK01	030740240243
			Bùi Xuân Thành	DH40LK02	030740240153
			Lê Văn Hoàng Minh	DH40LK02	030740240240
55	Khoa Luật Kinh tế	Bảo vệ dữ liệu cá nhân của người lao động khi doanh nghiệp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị nhân sự	Nguyễn Thị Bích Nhung (Trưởng nhóm)	DH39LK02	030739230126
			Hồ Lê Huyền Trang	DH39LK02	030739230197
			Trần Bình Yên	DH39LK04	030739230242
			Hoàng Nhã Phương	DH39LK04	030739230137
56	Khoa Luật Kinh tế	Trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong việc tuân thủ hạn ngạch phát thải khí nhà kính theo pháp luật Việt Nam: Thực trạng và kiến nghị	Đỗ Ngô Gia Hân	DH39LK02	030739230033
			Trần Thị Thanh Thảo(Trưởng nhóm)	DH41LK03	030741250268
			Phạm Thị Thanh Thủy	DH41LK03	030741250240
			Khâu Tuấn Dũng	DH41LK07	030741250288
57	Khoa Luật Kinh tế	Bảo vệ người dùng chưa thành niên trước các điều khoản sử dụng AI thiếu minh bạch trong môi trường giáo dục trực tuyến	Võ Như Ngọc	DH41LK07	030741250278
			Lê Thanh Thy	DH41LK03	030741250275
			Nguyễn Thị Mỹ Tiên (Trưởng nhóm)	DH41L03	031741250105
			Nguyễn Thị Hồng Ngọc	DH41LK03	030741250276
58	Khoa Luật Kinh tế	Xác lập quyền sở hữu đối với tài sản số trong pháp luật dân sự: Kinh nghiệm của một số quốc gia và gợi mở cho việc sửa đổi Bộ luật Dân sự Việt Nam	Phạm Quốc Khánh	DH41LK04	030741250160
			Tô Hữu Thắng	DH41KH02	031341250094
			Tô Hiếu Thuận	DH41L02	031741250074
			Nguyễn Thị Hải Yến (Trưởng nhóm)	DH38LK03	030738220252
			Đỗ Thị Bảo Uyên	DH38LK03	030738220232
			Dương Trần Thanh Bình	DH38LK03	030738220020

59	Khoa Luật Kinh tế	Trách nhiệm của nhà sản xuất trong pháp luật EPR: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam	Nguyễn Thị Thanh Thảo (Trưởng nhóm)	DH40LK01	030740240159
			Nguyễn Thị Hồng Nhung	DH40LK01	030740240128
60	Khoa Kinh tế quốc tế	Effect of structural ownership on the profitability of Logistics companies in Vietnam	Nguyễn Thanh Nhã (Trưởng nhóm)	HQ12-INE01	050812240078
			Nguyễn Mạnh Phát	HQ12-INE01	050611230975
			Trần Nguyễn Phương Minh	HQ12-INE01	050812240025
			Nguyễn Lê Quỳnh Anh	HQ12-INE01	050812240003
			Đặng Lê Thảo Nguyễn	HQ12-INE01	050812240027
61	Khoa Kinh tế quốc tế	Tác động của vốn FDI đối với việc phát triển logistics phục vụ các kênh giao dịch thương mại điện tử tại Việt Nam	Lý Kim Ngọc (Trưởng nhóm)	HQ12-INE01	050812240026
			Nguyễn Ngọc Ánh	HQ12-INE01	050812240008
			Nguyễn Trúc Đào	HQ12-INE01	050812240070
			Phan Châu Nhật Quỳnh	HQ12-INE01	050812240080
62	Khoa Kinh tế quốc tế	Factors of social media advertisement influencing the soft drink consumption behavior of youth in HCMC	Nguyễn Huỳnh Bảo An (Trưởng nhóm)	HQ12-INE02	050812240010
			Nguyễn Hữu Minh	HQ12-BAF02	050112240700
			Nguyễn Minh Đức	HQ12-INE01	050812240016
			Nguyễn Lê Ngọc Hà	HQ12-INE01	050812240051
			Nguyễn Thanh Sang	HQ12-INE01	050812240060
63	Khoa Kinh tế quốc tế	The impact of non-performing loans on the profitability of Vietnamese commercial banks (2015–2024)	Ngô Trương Linh Ân (Trưởng nhóm)	HQ12-INE01	050812240009
			Trần Thị Thuý An	HQ12-INE01	050812240068
			Trịnh Thị Lệ Trúc	HQ12-INE01	050812240042
64	Khoa Kinh tế quốc tế	Ảnh hưởng của hệ thống kho hàng thông minh đến hiệu quả giao hàng của shopee tại Việt Nam	Trần Lê Tú Hân (Trưởng nhóm)	HQ12-INE01	050812240052
			Trần Như Anh	HQ12-INE01	050812240005
			Nguyễn Phương Anh	HQ12-INE01	050812240047
			Nguyễn Gia Huy	HQ12-INE01	050812240073
65	Khoa Kinh tế quốc tế	Người mua có sẵn sàng trả thêm cho bao bì xanh?	Nguyễn Quang Vinh (Trưởng nhóm)	DH39DQ02	030839230289
			Bùi Phan Châu Anh	DH37AV02	030437210049
			Nguyễn Thị Lan Anh	DH39DQ03	030839230015
			Lưu Thị Lan Anh	DH39DQ03	030839230010
			Vì Thị Quỳnh Như	DH39DQ03	030839230185
66	Khoa Kinh tế quốc tế	Tác động phi tuyến của tiêu thụ năng lượng tái tạo đến tăng trưởng kinh tế: Vai trò điều tiết của phát triển tài chính.	Lê Thị Tuyết Ngân (Trưởng nhóm)	DH39KS01	030839230144
			Lê Nguyễn Hải My	DH39KS01	030839230133
			Ngô Châu Quỳnh Na	DH39KS01	030839230138
			Nguyễn Ngọc Như Ngân	DH39KS01	030839230146
			Lê Thị Ngọc Thảo	DH39KS01	030839230215
67	Khoa Kinh tế quốc tế	So sánh tác động của ba trụ cột Chính quyền sở, Kinh tế sở và Xã hội sở đến năng suất lao động: Bằng chứng từ 63 tỉnh, thành Việt Nam.	Lê Nguyễn Hải My (Trưởng nhóm)	DH39KS01	030839230133
			Ngô Châu Quỳnh Na	DH39KS01	030839230138
			Nguyễn Hoàng Nam	DH39KS01	030839230139
			Lê Thị Tuyết Ngân	DH39KS01	030839230144
			Nguyễn Ngọc Như Ngân	DH39KS01	030839230146
68	Khoa Kinh tế quốc tế	Tác động của chuyển đổi số đến khả năng chống chịu năng lượng: Bằng chứng thực nghiệm từ các quốc gia ASEAN giai đoạn 2005 - 2023	Nguyễn Thị Kiều My (Trưởng nhóm)	DH39KS01	030839230134
			Lê Hoàng Bảo Châu	DH39KS01	030839230022
69	Khoa Kinh tế quốc tế	Tác động của chuyển đổi số đến năng suất lao động tại các quốc gia Châu Á	Mai Thị Kim Thor (Trưởng nhóm)	DH39KS01	030839230134
			Lê Hoàng Bảo Châu	DH39KS01	030839230022
			Nguyễn Thị Kiều My	DH39KS01	030839230134
			Đặng Huỳnh Trúc Ly	DH39KS01	030839230120
			Vũ Nguyễn Trúc Vy	DH39KS01	030839230300
70	Khoa Kinh tế quốc tế	Ảnh hưởng của sự kết hợp nền tảng số và trí tuệ nhân tạo (AI) đến hành vi tiêu dùng của sinh viên TP HCM trong bối cảnh toàn cầu hóa	Trần Bảo Trâm (Trưởng nhóm)	DH39DQ02	030839230257
			Từ Thị Hoài Thương	DH39DQ04	030839230246
			Nguyễn Kiều Minh	DH39DQ04	030839230129
			Ngô Khánh Linh	DH39DQ03	030839230110
			Đặng Thuý An	DH39DQ02	030839230002
71	Khoa Kinh tế quốc tế	Đánh giá tác động của chuỗi cung ứng lạnh đối với tổn thất thực phẩm ở Việt Nam	Nguyễn Hoàng Huỳnh (Trưởng nhóm)	DH39DQ02	030839230086
			Trần Quốc Hoàng	DH39DQ02	030839230074
			Hoàng Thị Quỳnh Nhi	DH39DQ04	030839230169
			Trần Thị Minh Nguyệt	DH39DQ04	030839230163
			Lê Trương Đan Khang	DH39DQ03	030839230088

72	Khoa Kinh tế quốc tế	Ảnh hưởng của trợ lý ảo học tập đến kết quả học tập của sinh viên	Nguyễn Ngọc Thiện (Trưởng nhóm)	DH41KD01	031441250092
			Lê Đình Đăng Khoa	DH41CT01	031041250032
			Nguyễn Vũ Hoàng Nguyên	DH41KD01	031441250092
			Nguyễn Thùy Trang	DH41QT01	030341250047
			Nguyễn Thị Thùy Dương	VLVH_K51_QTKD	080351250001
73	Khoa Kinh tế quốc tế	Tác động của đổi mới sáng tạo và công nghệ thông tin đến phát thải khí nhà kính	Đào Kiêm Ngân (Trưởng nhóm)	DH39DQ01	030839230143
			Bùi Nguyễn Khánh Ngân	DH39DQ04	030839230142
			Phan Nguyễn Thùy My	DH39DQ04	030839230135
			Nguyễn Phúc Hòa (Trưởng nhóm)	DH39DQ03	030839230068
74	Khoa Kinh tế quốc tế	Các yếu tố tác động đến ý định sử dụng tủ khóa bưu kiện (Parcel Locker) của người tiêu dùng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh: Vai trò của các yếu tố công nghệ, cá nhân và giá trị cảm xúc.	Dương Thị Hoài	DH39DQ03	030839230069
			Lê Thị Thanh Hương	DH39DQ04	030839230077
			Bùi Nữ Nhất	DH39DQ02	030839230166
			Đỗ Thế Hưng	DH39DQ04	030839230076
			Lý Ngọc Linh (Trưởng nhóm)	DH39KQ01	030839230108
75	Khoa Kinh tế quốc tế	Tác động của các biến động địa chính trị toàn cầu đến lợi nhuận cổ phiếu của các công ty logistics tại Việt Nam	Hoàng Thị Thanh Luyện	DH39DQ03	030839230118
			Lê Kiên Trung	DH39KQ01	030839230276
			Lê Huỳnh Quốc Toàn	DH39KQ01	030839230253
			Đỗ Trần Mỹ Duyên (Trưởng nhóm)	DH39KS01	030839230044
76	Khoa Kinh tế quốc tế	Tác động của các cú sốc toàn cầu đến nền kinh tế khu vực ASEAN	Trần Thiên Ngân	DH39KS01	030839230151
			Nguyễn Thị Kim Hương	DH39KS01	030839230079
			Lê Hoàng Tiểu Mẫn	DH39KD04	030839230127
			Lương Trần Nguyên (Trưởng nhóm)	HQ12-BAF13	050112240167
77	Khoa Kinh tế quốc tế	Ảnh hưởng của tăng trưởng tín dụng đến năng sinh lời của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương giai đoạn 2010-2024	Nguyễn Khôi Nguyên	HQ12-BAF12	050112240169
			Nguyễn Sơn Tài	HQ12-BAF12	050112240908
			Nguyễn Mai Nhật Huy	HQ12-BAF12	050112240561
			Lê Nguyễn Thanh Phong	HQ12-BAF12	050112240201
			Đỗ Nguyễn Nhật Anh (Trưởng nhóm)	DH39DQ01	030839230007
78	Khoa Kinh tế quốc tế	Ảnh hưởng của việc sử dụng ví trả sau “ShopeePay Later” đến hành vi tiêu dùng của sinh viên Đại học Ngân hàng TP.HCM.	Nguyễn Ngọc Hoài An	DH39DQ02	030839230003
			Lê Thị Thùy Dung	DH39DQ02	030839230041
			Cao Thị Quỳnh Anh	DH39DQ03	030839230005
			Nguyễn Thị Mỹ Duyên	DH39DQ02	030839230045
			Nguyễn Dương Huệ Anh (Trưởng nhóm)	HQ12-INE01	050812240002
79	Khoa Kinh tế quốc tế	Entrepreneurial-Manager Characteristics and the Possibility of Business Success: Empirical Evidence from Vietnamese SMEs	Nguyễn Thị Hoàng Anh	HQ12-INE01	050812240004
			Hà Ngọc Kỳ Duyên	HQ12-INE01	050812240014
			Phạm Thị Thanh Nhật	HQ12-INE01	050812240031
			Trần Thanh Thủy	HQ12-INE01	050812240081
			Lê Nguyễn Thục Đoan (Trưởng nhóm)	HQ12-INE02	050812240071
80	Khoa Kinh tế quốc tế	The impact of the green environment on the usage of recycled packaging in food purchases via Shopee Food among Generation Z in Ho Chi Minh City.	Nguyễn Ngọc Ánh	HQ12-INE02	050812240007
			Nguyễn Thị Thanh Diệu	HQ12-INE02	050812240069
			Huỳnh Ngọc Tường Vy	HQ12-INE02	050812240066
			Nguyễn Thị Kim Quỳnh (Trưởng nhóm)	HQ12-INE02	050812240036
81	Khoa Kinh tế quốc tế	Understanding the Sustainability Paradox in Fast-Fashion Consumption: Evidence from young consumers in Ho Chi Minh City	Hà Ngọc Ánh	HQ12-INE02	050812240006
			Trịnh Đặng Khánh Huyền	HQ12-INE02	050812240021
			Lê Thanh Anh Thy	HQ12-INE02	050812240040
			Nguyễn Vũ Như Ý (Trưởng nhóm)	HQ12-INE02	050812240083
82	Khoa Kinh tế quốc tế	Inflation and Unemployment Trade-off: Lessons from The 2008 Global Crisis in Vietnam	Nguyễn Trần Minh Anh	HQ12-INE02	050812240048
			Nguyễn Thùy Linh	HQ12-INE02	050812240054
			Nguyễn Lê Nhật	HQ12-INE02	050812240030
			Huỳnh Dương Kim Thảo	HQ12-INE02	050812240062
			Đinh Lê Như Quỳnh (Trưởng nhóm)	HQ12-INE02	050812240035
83	Khoa Kinh tế quốc tế	The impact of global supply chain disruptions on freight transportation cost in Viet Nam.	Võ Huỳnh Lê	HQ12-INE02	050812240074
			Lê Nguyễn Bảo Ngọc	HQ12-INE02	050812240058
			Phạm Quỳnh Anh	HQ12-INE02	050812240049

84	Khoa Kinh tế quốc tế	How Gamification Enhances E-Wallet Adoption: An Integrated Model for MoMo among Young Users?	Nguyễn Ngọc Mai (Trưởng nhóm)	HQ12-INE02	050812240057
			Trương Minh Thư	HQ12-INE02	050812240039
			Phan Thị Như Quỳnh	HQ12-INE02	050812240059
			Trần Vũ Ngọc Thanh	HQ12-INE02	050812240061
			Lê Phạm Hồng Anh	HQ12-INE02	050812240001
85	Khoa Kinh tế quốc tế	The discrepancy between student's trust in eco-friendly product reviews and their actual purchasing behavior: Case study of paper straws in Vietnam.	Nguyễn Đình Thanh Nguyên (Trưởng nhóm)	HQ12-INE02	050812240077
			Nguyễn Bảo Hân	HQ12-INE02	050812240019
			Dương Thị Lan Phương	HQ12-INE02	050812240079
			Phạm Khánh Trang (Trưởng nhóm)	HQ12-INE02	050812240064
86	Khoa Kinh tế quốc tế	Analyzing the popularity and habits of using e-wallets in daily consumption of students in Ho Chi Minh City.	Trần Bảo Ngân	HQ12-INE02	050812240076
			Nguyễn Thị Hoàng Châu	HQ12-INE02	050812240050
			Trần Phương Khánh Châu (Trưởng nhóm)	HQ12-INE02	050812240012
87	Khoa Kinh tế quốc tế	The Effect of AI-Driven Personalization on Online Fashion Purchase Decisions among Young Customers in Ho Chi Minh City	Nguyễn Việt Hà	HQ12-INE02	050812240017
			Lê Ngọc Gia Hân	HQ12-INE02	050812240018
			Hoàng Phúc An Bình	HQ12-INE02	050812240011
			Lại Trung Thành Long (Trưởng nhóm)	HQ12-INE02	050812240056
			Trịnh Thị Khánh Linh	HQ12-INE02	050812240055
88	Khoa Kinh tế quốc tế	Eco-Brand Image and Environmental Awareness as Drivers of Green Purchase Decisions: Evidence from Young Consumers in Ho Chi Minh City	Hồ Lê Uyên Phương	HQ12-INE02	050812240033
			Nguyễn Duy Nhất	HQ12-INE01	050812240029
			Trần Nguyễn Hải Yến (Trưởng nhóm)	HQ12-INE01	050812240067
			Nguyễn Yên Giang	HQ12-INE01	050812240072
			Nguyễn Hoàng Oanh	HQ12-INE01	050812240032
89	Khoa Kinh tế quốc tế	The impact of the U.S.-China tariff policies on Vietnam's footwear exports to the U.S. market during the period 2019-2025	Võ Bùi Cẩm Tuyền	HQ12-INE01	050812240065
			Nguyễn Võ Quỳnh Trang	HQ12-INE02	050812240082
			Võ Tuấn Kiệt (Trưởng nhóm)	HQ12-INE02	050812240024
			Lê Huy Đức	HQ12-INE02	050812240015
			Nguyễn Huy Vũ	HQ12-INE02	050812240044
90	Khoa Kinh tế quốc tế	Tác động kinh tế của sự xuất hiện Xanh SM đối với hành vi sử dụng dịch vụ gọi xe công nghệ của sinh viên tại thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Đăng Khoa	HQ12-INE02	050812240023
			Mai Hồ Minh Tâm (Trưởng nhóm)	HQ12-INE02	050812240037
			Lê Nguyễn Hoài Hương	HQ12-INE02	050812240053
			Trịnh Ngọc Anh Thư	HQ12-INE02	050812240038
			Lê Thảo Vi	HQ12-INE02	050812240043
91	Khoa Kinh tế quốc tế	The impact of livestream shopping on young consumers' purchase intention on Shopee platform in Ho Chi Minh city.	Nguyễn Nghi Phương (Trưởng nhóm)	HQ12-INE02	050812240034
			Nguyễn Thị Thu Nguyệt	HQ12-INE02	050812240028
			Võ Hoàng Ngọc Dung	HQ12-INE02	050812240013
			Trần Hạ Trúc Vy	HQ12-INE02	050812240045
			Nguyễn Hoàng Lan Anh (Trưởng nhóm)	DH40KD01	031440240022
92	Khoa Kinh tế quốc tế	The Effect of AI-Driven Personalization on Shopping Satisfaction among Students at Ho Chi Minh University of Banking on Shopee	Nguyễn Hà Vy	DH40KD01	031440240019
			Nguyễn Anh Thư	DH40KD01	031440240016
			Quang Thị Mỹ Ngọc	DH40KD01	031440240011
			Nguyễn Hoàng Trang Thư	DH40KD01	031440240044
			Nguyễn Thị Thanh Ngân (Trưởng nhóm)	DH39DQ04	030839230148
93	Khoa Kinh tế quốc tế	Niềm tin về các vấn đề kinh tế, xã hội và hành vi tiêu dùng của sinh viên tại TPHCM	Trần Ngọc Mỹ	DH39DQ01	030839230136
			Nguyễn Nhật Hào	DH39DQ03	030839230058
			Nguyễn Hữu Ngân	DH39DQ02	030839230145
			Nguyễn Lê Kiều Diễm	DH39DQ01	030839230030
			Võ Thị Ngọc Ánh (Trưởng nhóm)	DH40KQ01	030840240007
94	Khoa Kinh tế quốc tế	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định ứng dụng Internet vạn vật (IoT) trong giao hàng chặng cuối của các doanh nghiệp Logistics tại Việt Nam: Vai trò trung gian của năng lực học tập tổ chức	Cao Văn Anh	DH40KQ01	030840240002
			Nguyễn Thị Trà My	DH40KQ01	030840240062
			Vũ Thị Thùy Linh	DH40KQ01	030840240054
			Lê Thị Yến Nhi	DH40KQ01	030840240079
95	Khoa Kinh tế quốc tế	Tác động của vốn trí tuệ đến hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp F&B niêm yết trên sàn chứng khoán tại Việt Nam			

96	Khoa Kinh tế quốc tế	Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc: Cơ hội và thách thức trong tái định hướng thương mại Việt Nam	Hoàng Phương Anh (Trưởng nhóm)	HQ13-INE01	050813250001
			Cao Nguyễn Thái Duyên	HQ13-INE01	050813250002
			Lê Trung Kiên	HQ13-INE01	050813250016
			Đỗ Kim Mí	HQ13-INE01	050813250027
			Trương Bích Ngọc	HQ13-INE01	050813250039
97	Khoa Kế toán kiểm toán	Tác động của việc thực hiện kế toán carbon đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp sản xuất niêm yết tại Việt Nam	Phan Lê Quỳnh Vy (Trưởng nhóm)	DH39KT03	030539230155
			Bùi Thị Trâm	DH39KT03	030539230140
			Đổng Hạ Vy	DH39KT02	030539230152
			Nguyễn Hà Quỳnh Trâm	DH39KT01	030539230143
			Nguyễn Vũ Thị Thùy Tâm	DH39AM01	030439230216
98	Khoa Kế toán kiểm toán	Tác động của giá Carbon đến chính sách cổ tức của doanh nghiệp niêm yết tại các quốc gia ASEAN	Bùi Thùy Trâm (Trưởng nhóm)	HQ11-ACC01	050611231305
			Đặng Thanh Trang	HQ11-ACC01	050611231377
			Võ Huyền Trân	HQ11-ACC01	050611231373
			Lê Thị Trúc Phương	HQ11-ACC01	050611231011
			Trần Nguyễn Thuý Vân	HQ11-ACC01	050611231531
99	Khoa Kế toán kiểm toán	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi nghiên cứu thuế của sinh viên ngành kế toán/kiểm toán - Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Phan Bảo Ngọc (Trưởng nhóm)	HQ11- ACC01	050611230808
			Nguyễn Thị Ngọc Hân	HQ11- ACC01	050611230301
			Võ Lê Khánh Ngọc	HQ11- ACC01	050611230816
			Huỳnh Lý Uyên Như	HQ11- ACC01	050611230917
			Nguyễn Ngọc Ngân (Trưởng nhóm)	HQ11- ACC04	050611230729
100	Khoa Kế toán kiểm toán	Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển năng lực số của sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Nguyễn Thị Quỳnh Như	HQ11- ACC04	050611230939
			Thống Ngọc Linh	HQ11- ACC04	050611230586
			Hoàng An Bình	HQ11- ACC05	050611230124
			Nguyễn Thảo Uyên Nhi (Trưởng nhóm)	HQ11-ACC05	050611230884
101	Khoa Kế toán kiểm toán	Phát hiện gian lận kế toán bằng phương pháp học máy dựa trên thông tin tài chính các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Trần Yến Nhi	HQ11-ACC05	050611230901
			Võ Nguyễn Mân Nhi	HQ11-ACC05	050611230907
			Nguyễn Diễm Quỳnh	HQ11-ACC05	050611231064
			Nguyễn Yên Quỳnh	HQ11-ACC05	050611231074
			Nguyễn Anh Thụy (Trưởng nhóm)	HQ12-ACC05	050512240094
102	Khoa Kế toán kiểm toán	Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo trong học tập của sinh viên khối ngành kinh doanh - quản lý các trường đại học khu vực phía Nam	Nguyễn Thái Thùy	HQ12-ACC03	050512240096
			Nguyễn Thị Thanh Nhân	HQ12-ACC03	050512240070
			Vũ Thị Diệu Thoa	HQ12-ACC03	050512240093
			Đoàn Lê Trúc Phương	HQ12-ACC06	050512240080
			Nguyễn Ngọc Nhã Quỳnh (Trưởng nhóm)	HQ12-ACC06	050512240221
103	Khoa Kế toán kiểm toán	Phân tích ảnh hưởng của sự khác biệt giữa chế độ kế toán doanh nghiệp (theo Thông tư 99/2025/TT-BTC) và chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) về tài sản cố định đối với chất lượng báo cáo tài chính: Trường hợp nghiên cứu doanh nghiệp sản xuất niêm yết tại Việt Nam.	Đặng Phạm Quỳnh Châu	HQ12-ACC06	050512240016
			Lương Tuấn Khải	HQ12-ACC01	050512240039
			Phạm Thanh Trúc (Trưởng nhóm)	DH41ACC02	030541250142
104	Khoa Kế toán kiểm toán	Tối ưu hóa kế hoạch kiểm toán nội bộ dựa trên rủi ro ứng dụng phương pháp AHP và SAW: trường hợp nghiên cứu tại ngân hàng X.	Ngô Thu Sương	DH41ACC03	030541250107
			Đỗ Huỳnh Khả Tâm	DH41ACC01	030541250108
			Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	DH41ACC02	030541250086
			Vũ Thị Yến Trang	DH41AUD01	031641250051
			Bùi Thị Kim Yến (Trưởng nhóm)	HQ13-ACC06	050513250294
105	Khoa Kế toán kiểm toán	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khoảng cách giữa yêu cầu thực tiễn và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học ngành kế toán của Trường Đại học Ngân Hàng TP.HCM trong bối cảnh chuyển đổi số.	Trang Ngọc Yến	HQ13-ACC06	050513250296
			Trần Thị Thuý Trang	HQ13-ACC06	050513250240
			Nguyễn Thị Ngọc Mai	HQ13-ACC06	050513250115
			Nguyễn Thị Khánh Linh	HQ13-ACC06	050513250106
			Trần Thị Tuyết Nhung (Trưởng nhóm)	HQ13-ACC01	050513250161
106	Khoa Kế toán kiểm toán	Sử dụng mô hình SOR phân tích sự lựa chọn của Gen Z với hành vi tiêu dùng xanh của người dùng mạng xã hội.	Nguyễn Ánh Đào	HQ13-ACC01	050513250020
			Nguyễn Thùy Dương	HQ13-ACC01	050513250039
			Trần Phạm Hải Quỳnh	HQ13-ACC01	050513250194
			Huỳnh Lê Bảo Hân	HQ13-ACC01	050513250061

107	Khoa Kế toán kiểm toán	Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức và mức độ sẵn sàng trong bối cảnh chuyển đổi số của sinh viên ngành kế toán/kiểm toán tại Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM	Võ Anh Tiến (Trưởng nhóm)	HQ13-ACC06	050513250232
			Võ Nguyễn Trúc Ly	HQ13-ACC06	050513250113
			Nguyễn Ngọc Tú Linh	HQ13-ACC06	050513250103
			Lê Ninh Thái Trâm	HQ13-ACC06	050513250243
			Huỳnh Hồng Bảo Ngọc	HQ13-ACC06	050513250139
108	Khoa Kế toán kiểm toán	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam	Nguyễn Ngô Thủy Linh (Trưởng nhóm)	HQ13-ACC04	050513250104
			Trần Minh Hạnh	HQ13-ACC03	050513250055
			Vũ Nguyễn Hoàng Uyên	DH41HT4	030241250198
			Ngô Quốc Nam	DH41CT01	031041250048
			Nguyễn Thanh Phong	DH41ACC02	030541250092
109	Khoa Kế toán kiểm toán	Mô hình hành vi doanh nghiệp trước làn sóng kép: Tác động của chuyển đổi số và kinh tế xanh đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp sản xuất niêm yết tại Việt Nam.	Lê Thị Thúy Vy (Trưởng nhóm)	HQ12-ACC05	050512240120
			Mai Xuân Nghi	HQ12-ACC05	050512240194
			Đỗ Minh Thy	HQ12-ACC05	050512240242
			Nguyễn Thị Giới	HQ12-ACC05	050512240148
			Hoàng Kim Quyền	HQ12-ACC05	050512240219
110	Khoa Kế toán kiểm toán	Xếp hạng các yếu tố ảnh hưởng hiệu quả hoạt động bằng phương pháp học máy: Trường hợp các ngân hàng niêm yết tại Việt Nam.	Trần Mỹ Yến (Trưởng nhóm)	HQ13-ACC02	050513250297
			Vương Bảo Xuyên	HQ13-ACC02	050513250289
			Vũ Phan Minh Tâm	HQ13-ACC02	050513250199
			Bùi Thị Minh Trang	HQ13-ACC02	050513250235
			Phạm Phương Lan (Trưởng nhóm)	HQ13- ACC04	050513250098
111	Khoa Kế toán kiểm toán	Ảnh hưởng của kiến thức tài chính đối với hành vi sử dụng thẻ tín dụng của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.	Trần Gia Hân	HQ13- ACC04	050513250071
			Võ Duy Khôi	HQ13- ACC04	050513250096
			Lê Thủy Linh	HQ13- ACC03	050513250102
			Nguyễn Trần Khánh Chi	HQ13- ACC03	050513250029
			Phan Thị Quỳnh Liên	HQ13- ACC03	050513250100
112	Khoa Kế toán kiểm toán	Applying Machine Learning Models to Predict Audit Opinions: A Comparative Analysis of the Impact of Micro- and Macro-Level Indicators in Vietnam	Nguyễn Thị Mỹ Vân (Trưởng nhóm)	HQ10-GE11	050610220715
			Ngô Minh Tân	DH38KH01	030238220227
113	Khoa Kế toán kiểm toán	Ảnh hưởng của chất lượng công bố thông tin ESG và chỉ số phát triển bền vững Việt Nam (VNSI) đến quyết định của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán tại Việt Nam	Trần Nguyễn Nam Anh (Trưởng nhóm)	HQ11-ACC02	050611230082
			Đào Thị Diễm Hương	HQ11-ACC02	050611230401
			Phạm Thị Hiếu Ngân	HQ11-ACC02	050611230748
			Lư Tâm Như	HQ11-ACC02	050611230925
			Vũ Thị Như Quỳnh	HQ11-ACC02	050611231083
114	Khoa Kế toán kiểm toán	Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên ngành Kế toán - Kiểm toán Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM trong giai đoạn chuyển đổi số	Vũ Nguyệt Ánh (Trưởng nhóm)	HQ13-ACC02	050513250019
			Trần Thị Kim Anh	HQ13-ACC02	050513250014
			Nguyễn Thị Ngọc Ánh	HQ13-ACC02	050513250018
			Nguyễn Thị Kim Yến	HQ13-ACC02	050513250295
			Võ Ngọc Minh Anh	HQ13-ACC02	050513250016
115	Khoa Kế toán kiểm toán	Xu hướng sử dụng ngân hàng số (Mobile Banking, Internet Banking) của sinh viên ngành Kế toán tại Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Nguyễn Lê Phương Tâm (Trưởng nhóm)	HQ13-ACC04	050513250198
			Nguyễn Thủy Tuyết Phương	HQ13-ACC04	050513250184
			Lê Ngọc Quỳnh	HQ13-ACC05	050513250190
			Nguyễn Lê Huyền Thư	HQ13-ACC05	050513250224
			Đỗ Thị Phương Thủy	HQ13-ACC05	050513250215
116	Viện Đào tạo quốc tế	Các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả tín dụng xanh tại các NHTM Việt Nam	Trần Thị Thảo Linh (Trưởng nhóm)	DH39DD01	120605230026
			Lâm Xuân Nhi	IBP23D0101	110323240140
			Lê Hà Trinh Quyên	DH39DD02	120605230046
			Trần Ngọc Anh Thư	ADF003	31241024139
			Nguyễn Ngọc Huyền Trân	DH39DD02	120605230062
117	Viện Đào tạo quốc tế	Vai trò của mạng xã hội trong việc định hình xu hướng gia tăng học cao học tại Việt Nam	Nguyễn Hoàng Nhân Tâm (Trưởng nhóm)	IPB23D0104	110323240173
			Bùi Việt Hoàng	IBP23D0103	110323240066
			Chu Nguyễn Minh Anh	IPB23D0103	110322230008
			Vũ Minh Như	IPB23D0103	110322230160

118	Viện Đào tạo quốc tế	Nâng cao hiệu quả dự báo thị trường chứng khoán Việt nam bằng mô hình Gru tích hợp phân tích cảm xúc và mô hình ngôn ngữ lớn (large language model - llm)	Nguyễn Hoàng Biển (Trưởng nhóm)	IBP22D0101	110321220019
			Lê Tấn Phát	HQ10-GE06	050610220447
			Trần Thị Thu Trang	DH40TC02	030140240480
			Nguyễn Ngọc Trâm Anh	HQ12-MIS01	050212240039
119	Viện Đào tạo quốc tế	Các yếu tố tác động đến ý định sử dụng Mua trước, Trả sau: Vai trò điều tiết của minh bạch thông tin	Trần Minh Hiếu (Trưởng nhóm)	IBP22D0103	110322230079
			Trần Lê Mai Anh	IBP22D0103	110322230024
			Lâm Nguyễn Nhi	IBP22D0103	110322230152
			Vũ Bạch Gia Nghi	IBP22D0103	110322230135
120	Viện Đào tạo quốc tế	The impact of environmental, social, and governance performance on brand equity and customer engagement: the moderating role of customer skepticism	Nguyễn Hoàng Biển (Trưởng nhóm)	IBP22D01-01	110321220019
121	Viện Đào tạo quốc tế	Phân tích chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp thu hẹp khoảng cách giữa các địa phương	Lưu Đức An (Trưởng nhóm)	BBM23	110323240014
			Nguyễn Ngọc Trúc Ngân	BBM23	110323240115
			Trần Ngọc Kim Dung	BBM23	110323240046
			Ô Tú Phương	BBM23	110323240158
			Phạm Nguyễn Như Hòa	BBM23	110322230081
			Võ Thị Mỹ Dung (Trưởng nhóm)	IBP24D0102	110324250038
122	Viện Đào tạo quốc tế	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong ngân hàng số và tác động trải nghiệm từ niềm tin đến hành vi sử dụng tại Việt Nam	Nguyễn Lê Minh Anh	IBP24D0103	110324250023
			Lê Thanh Trục	IBP24D0104	110323240219
			Nguyễn Thị Minh Phương (Trưởng nhóm)	IBP23D0201	110324250009
123	Viện Đào tạo quốc tế	A Predictive Model of Ethical Violations in Vietnam's Data-Driven Healthcare Businesses	Lê Tuệ Minh	IBP23D0101	110323240107
			Phạm Gia Kiên	IBP23D0201	110323240087
			Nguyễn Ngọc Minh Châu	IBP23D0201	110322230037
			Nguyễn Khánh Dương (Trưởng nhóm)	DH39KH01	030239230036
124	Khoa Khoa học dữ liệu trong kinh doanh	Phương pháp Bayes và ứng dụng trong kinh tế: Tiếp cận qua mô hình BVAR	Trần Thị Trúc Xinh	DH39KH01	030239230298
125	Khoa Khoa học dữ liệu trong kinh doanh	Phân loại rủi ro tín dụng đa lớp bằng mô hình học kết hợp có cơ chế tập trung và khả năng giải thích tại Việt Nam	Lê Phú (Trưởng nhóm)	DH39KH02	030239230185
			Tồn Thất Gia Bảo	DH39KH01	030239230020
			Nguyễn Văn Lam	DH39KH02	030239230100
126	Khoa Khoa học dữ liệu trong kinh doanh	Dự báo chỉ số VN30 bằng sử dụng kết hợp phương pháp giảm chiều dữ liệu và các mô hình học máy/ học sâu	Lê Nguyễn Khôi (Trưởng nhóm)	DH39KH01	030239230093
			Nguyễn Thị Nhã Phương	DH39KH01	030239230194
			Nguyễn Phan Quỳnh Thy	DH39KH02	030239230241
			Đào Việt Anh	DH39KH01	030239230005
			Lâm Tuấn Vũ (Trưởng nhóm)	DH39KH01	030239230292
127	Khoa Khoa học dữ liệu trong kinh doanh	Phát triển công cụ trực quan hóa hoạt động của Blockchain cho mục đích giáo dục.	Đỗ Gia Khiêm	DH39KH01	030239230090
			Nguyễn Vũ Thăng	DH39KH01	030239230212
			Nguyễn Ngọc Hồng Đào (Trưởng nhóm)	DH39KH01	030239230031
			Nguyễn Bùi Minh Hằng	DH39KH01	030239230053
			Nguyễn Duy Bảo Trân	DH39KH01	030239230257
			Ngô Thảo Trang	DH39TM01	030239230260
128	Khoa Khoa học dữ liệu trong kinh doanh	Phân tích khả năng ứng dụng của mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt trong nhận diện thông tin sai lệch và tin giả	Võ Thanh Trúc	DH39TM01	030239230272
			Huỳnh Ngọc Minh Thảo (Trưởng nhóm)	DH40KH01	031340240024
			Lê Thị Kim Oanh	DH40KH01	031340240022
			Nguyễn Công Bình	DH40KH01	031340240001
			Nguyễn Thị Mỹ Chi (Trưởng nhóm)	DH40KH01	031340240003
129	Khoa Khoa học dữ liệu trong kinh doanh	Tính chất nghiệm của các mô hình bài toán cân bằng và ứng dụng trong kinh tế	Nguyễn Thu Thảo	DH40KH01	031340240025
			Thiều Thị Thu Huyền	DH40KH01	031340240008
			Lý Mẫn Nhi (Trưởng nhóm)	DH41KH01	031341250076
130	Khoa Khoa học dữ liệu trong kinh doanh	Mô hình bài toán vận tải và một số ứng dụng	Trần Lê Hạnh Nguyên	HQ11-BAF15	050611230835
			Nguyễn Hoàng Biển	IBP22D01-01	110321220019
			Hồ Lê Anh Thy	IBP23D01-01	110322230268
			Phan Nguyễn Khánh Ngân (Trưởng nhóm)	DH41AI01	031841250033
131	Khoa Khoa học dữ liệu trong kinh doanh	Forecasting XAU/VND using econometrics and deep learning: a comprehensive comparison	Nguyễn Trần Hà An	DH40QR01	030140240018
			Nguyễn Lê Hoài Thương	HQ11-BAF14	050611231256
			Trần Thị Thu Hằng	DH40KS01	030840240024
			Lê Kiều Trang	IBP23D01-01	110322230267
132	Khoa Khoa học dữ liệu trong kinh doanh	The Environmental Kuznet Curve in Vietnam: NARDL and Machine Learning Approaches			